



VN-Index tăng nhẹ 0,3%

Ngày báo cáo 27/08/2025

Phòng Nghiên cứu & Phân tích
research@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588

Điểm nhấn thị trường

VN-Index tăng nhẹ 0,3%

VN-Index tăng nhẹ 0,3% (+5,2 điểm), đóng cửa phiên giao dịch ở mức 1.672,8 điểm. Toàn sàn ghi nhận 158 mã tăng, 149 mã giảm và 56 mã đi ngang. Thanh khoản tăng so với phiên trước, đạt 47,4 nghìn tỷ đồng.

- Trong nhóm ngân hàng, VCB (+6,9%) và BID (+2,4%) tăng mạnh, ACB (+1,1%) và STB (+1,1%) ghi nhận mức tăng đáng kể, trong khi TCB (-1,0%), VPB (-2,9%) và LPB (-3,7%) giảm điểm.
- Các cổ phiếu bất động sản VIC (-2,6%), VHM (-0,6%), BCM (-1,6%), VRE (-2,2%) và KBC (-1,6%) giảm. KDH (+1,4%) và DXG (+6,8%) tăng điểm.
- Nhóm vật liệu cơ bản có diễn biến kém khả quan khi HPG (-1,7%), GVR (-0,2%), DGC (-0,3%), DCM (-2,8%) và HSG (-0,8%) đều giảm.
- Các mã tăng đáng chú ý ở các ngành khác bao gồm công nghệ FPT (+5,0%), công nghiệp GMD (+6,9%), bán lẻ MWG (+1,9%), sữa VNM (+1,3%) và tập đoàn thực phẩm & đồ uống MSN (+1,4%).

Điểm tin

- Mỹ công bố thuế chống bán phá giá (CBPG) cuối cùng ở mức 87-163%, và thuế chống trợ cấp cuối cùng ở mức 0-258% đối với các doanh nghiệp sản xuất tôn mạ Việt Nam; Tác động bổ sung không đáng kể đối với HPG và nhóm doanh nghiệp tôn mạ
- FPT và Smart Holdings thành lập liên doanh trong lĩnh vực ô tô tại Nhật Bản – tác động tích cực nhẹ đối với FPT
- MBB dự kiến sẽ giảm tỷ lệ sở hữu tại CTCP Chứng khoán MB từ mức 76,35% xuống 65,9%
- STK sẽ chi trả cổ tức cổ phiếu 45% từ lợi nhuận giữ lại năm 2024 theo tỷ lệ 100:45 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ nhận thêm 45 cổ phiếu mới)

Báo cáo trong ngày

- SSI: Triển vọng GTGDTBN tích cực; đẩy mạnh hoạt động cho vay margin - Cập nhật

Dữ liệu thị trường

	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	1672,8	276,4	109,9
% Δ	0,3%	0,2%	1,0%
- % Δ 1 tuần	0,5%	-2,6%	0,2%
- % YTD	32,0%	21,5%	15,7%
- % YOY	30,6%	15,7%	16,8%
GTGD			
- Hôm nay (triệu)	\$1.800,8	\$114,5	\$37,0
- TB 1 tháng (triệu)	\$1.927,1	\$153,2	\$56,7
- TB 1 năm (triệu)	\$823,5	\$56,6	\$33,5
- TB QTD	\$1.599,8	\$126,8	\$52,0
- % TB QTD/TB quý gần nhất	90,4%	133,8%	63,8%
Khối ngoại			
- Mua (triệu)	\$135,9	\$7,8	\$1,3
- Bán (triệu)	\$290,2	\$7,2	\$6,8
- GT ròng (triệu)	-\$154,3	\$0,6	-\$5,5
Độ rộng TT			
Mã tăng	177	91	186
Mã giảm	154	68	140
Không đổi	83	149	599
Chỉ số chính			
GT vốn hóa (tỷ)	276,1	15,8	55,4
P/E trượt 12T	15,2	24,9	15,6
LS cổ tức*	2,7%	3,2%	4,8%
Giao dịch			
Phái sinh	Giá	KL mở cửa	GTGD (tr USD)
VN30F2509	1.846,4	52.835	2556,3
4111FA000	1.840,5	891	10,9
VN30F2512	1.830,0	637	1,9
41IG3000	1.825,0	196	0,7
USD/VND	26.353		

Nguồn: Fiinpro, HSX, HNX

*Phương pháp của Fiinpro được tính toán dựa trên các công ty đã chi trả cổ tức cho năm hiện tại, thay vì toàn bộ VN-Index. Theo Bloomberg, lợi suất cổ tức 12 tháng tổng hợp cho VN-Index tính đến ngày 30/5 là 1,84%.

Quan điểm kỹ thuật

Dự báo VN-Index sẽ kiểm định lại hỗ trợ ngày quanh đường MA5 (vùng 1.655 điểm). Ở kịch bản tích cực, đà tăng sẽ được củng cố nhờ lực cầu mới quanh hỗ trợ, tạo động lực cho chỉ số VN-Index vượt vùng đỉnh 1.695 điểm trong các phiên tiếp theo. Ở kịch bản kém khả quan với xác suất tương đương, chỉ số đóng cửa vi phạm hỗ trợ ngày kèm hoạt động bán diện rộng sẽ làm xấu cấu trúc tăng giá ngắn hạn và gia tăng khả năng kiểm định lại vùng 1.600 điểm.

Các nhà đầu tư có thể theo dõi tín hiệu kỹ thuật của Top 15 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến VN-Index, Top 10 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến HNX-Index và UpCom Index; cũng như của một số các cổ phiếu đầu cơ do Vietcap lựa chọn.

Để tải về báo cáo chi tiết, xin vui lòng nhấn vào [đây](#).

Điểm tin

Mỹ công bố thuế chống bán phá giá (CBPG) cuối cùng ở mức 87-163%, và thuế chống trợ cấp cuối cùng ở mức 0-258% đối với các doanh nghiệp sản xuất tôn mạ Việt Nam; Tác động bổ sung không đáng kể đối với HPG và nhóm doanh nghiệp tôn mạ

* Vào ngày 26/08/2025, Bộ Thương mại Mỹ (DOC) công bố kết luận cuối cùng trong cuộc điều tra CBPG và chống trợ cấp đối với sản phẩm thép chống ăn mòn (CORE), trong đó bao gồm tôn mạ, từ Việt Nam và 9 quốc gia khác (Úc, Brazil, Canada, Mexico, Hà Lan, Nam Phi, Đài Loan, Thổ Nhĩ Kỳ và UAE).

* Đối với Việt Nam, mức thuế CBPG cuối cùng dao động từ 87,07% đến 162,96%, trong khi thuế chống trợ cấp dao động từ 0,3% đến 257,83%, tùy từng doanh nghiệp sản xuất. Mức thuế này cao hơn so với mức thuế sơ bộ công bố trước đó (chi tiết ở hình bên dưới).

* Giai đoạn tiếp theo dự kiến sẽ vào ngày 9/10/2025, khi Ủy ban Thương mại Quốc tế Mỹ (ITC) đưa ra phán quyết cuối cùng về thiệt hại đối với ngành thép trong nước. Để các mức thuế cuối cùng nêu trên có hiệu lực, cả DOC (chịu trách nhiệm điều tra hành vi bán phá giá) và ITC (chịu trách nhiệm điều tra thiệt hại lên ngành sản xuất trong nước) đều cần phải ra phán quyết cuối cùng khẳng định có phá giá và thiệt hại. Điều này nghĩa là, nếu ITC đưa ra phán quyết khẳng định trong thời gian tới, thuế CBPG và chống trợ cấp cuối cùng sẽ được áp dụng sau đó.

* Chúng tôi cho rằng, nếu áp, mức thuế cuối cùng như trên sẽ có tác động bổ sung không đáng kể đối với HPG và các doanh nghiệp xuất khẩu tôn mạ Việt Nam. Nguyên nhân là do mức thuế sơ bộ trước đó vốn đã ở mức đủ cao để chặn xuất khẩu từ Việt Nam sang Mỹ, do đó việc tăng thêm thuế sẽ không đem lại nhiều tác động bổ sung.

Hình 1: Mức thuế CBPG cuối cùng đối với các doanh nghiệp sản xuất tôn mạ Việt Nam

Công ty	Thuế CBPG sơ bộ	Thuế CBPG cuối cùng
HSG	59,00%	110,19%
NKG	49,42%	94,89%
GDA	39,84%	87,07%
HPG	49,42%	94,89%
Các doanh nghiệp khác nêu tên trong danh sách	49,42%	94,89%
Các doanh nghiệp không nêu tên trong danh sách	88,12%*	162,96%*

Nguồn: International Trade Administration (ITA). Vietcap. * Dựa trên thông tin sẵn có quan điểm kém tích cực.

Hình 2: Mức thuế chống trợ cấp cuối cùng đối với các doanh nghiệp sản xuất tôn mạ Việt Nam

Doanh nghiệp xuất khẩu / sản xuất	Thuế chống trợ cấp sơ bộ	Thuế chống trợ cấp cuối cùng
HSG	0%	0,3% (không đáng kể)
Tôn Đông Á (UpCom: GDA)	0%	1,29%
190 Steel Pipe, Vietnam Germany Steel, Vietnam Steel Pipe, Vina One Steel, VNSTEEL-Thang Long Coated Sheets, VNSTEEL-Vietnam Steel Corp	140,05%	257,83%*
Khác (Bao gồm HPG, NKG)	46,73%	1,29%

Nguồn: ITA, Vietcap. * Dựa trên thông tin sẵn có với quan điểm kém tích cực.

Hình 3: Lộ trình điều tra CBPG và chống trợ cấp của Mỹ đối với sản phẩm CORE của Việt Nam (theo giờ Mỹ)

Các giai đoạn	Điều tra CBPG	Điều tra CVD
Nộp hồ sơ	05/09/2024	05/09/2024
DOC bắt đầu điều tra	25/09/2024	25/09/2024
ITC ra phán quyết sơ bộ về thiệt hại	21/10/2024	21/10/2024
DOC ra kết luận sơ bộ	04/04/2025	03/02/2025
DOC ra kết luận cuối cùng	26/08/2025	26/08/2025
ITC ra phán quyết cuối cùng	09/10/2025	09/10/2025
Ban hành lệnh áp thuế chính thức (từ thời điểm này thuế quan chính thức có hiệu lực)	16/10/2025**	16/10/2025**

Nguồn: ITA, Vietcap. DOC: Bộ Thương mại Mỹ, ITC: Ủy ban Thương mại Quốc tế Mỹ. DOC tập trung xác định có tồn tại hành vi bán phá giá hay không, trong khi ITC tập trung xác định thiệt hại đối với ngành công nghiệp Mỹ. Để thuế có hiệu lực, cả hai cơ quan phải đưa ra phán quyết cuối cùng theo hướng khẳng định; nếu không, cuộc điều tra sẽ kết thúc mà không áp thuế. Lưu ý: Ước tính của Vietcap, dựa trên khung thời gian điều tra thông thường. Ô màu xanh lá biểu thị bước tiếp theo của quá trình điều tra.

FPT và Smart Holdings thành lập liên doanh trong lĩnh vực ô tô tại Nhật Bản – tác động tích cực nhẹ đối với FPT

* CTCP FPT (FPT) và Smart Holdings Co., Ltd. (đơn vị cung cấp giải pháp CNTT hàng đầu tại Nhật Bản chuyên về lĩnh vực sản xuất) đã thành lập một liên doanh có tên FPT Smart Technologies Japan Co., Ltd. (FST-Japan), trong đó FPT nắm giữ 49% cổ phần và Smart Holdings nắm giữ 51% cổ phần. Liên doanh được thành lập nhằm mục đích cung cấp các dịch vụ chuyển đổi số cho khách hàng trong ngành sản xuất của Nhật Bản, với trọng tâm chiến lược là lĩnh vực ô tô. Trong liên doanh này, FPT đóng góp chuyên môn về AI, kỹ thuật số và các mô hình ngôn ngữ thị giác, trong khi Smart Holdings mang đến kiến thức chuyên sâu về ngành và mối quan hệ chặt chẽ với các công ty ô tô hàng đầu Nhật Bản. FPT dự phóng FST-Japan sẽ tạo ra tổng doanh thu khoảng 20 triệu USD trong 5 năm tới (tương đương 0,3% tổng doanh thu dự phóng của mảng CNTT nước ngoài của FPT tại Nhật Bản trong giai đoạn 2026-30).

* Quan điểm của chúng tôi: Mặc dù đóng góp lợi nhuận trực tiếp từ FST-Japan cho FPT là không đáng kể, nhưng chúng tôi cho rằng sáng kiến này có ý nghĩa chiến lược quan trọng trong việc củng cố sự hiện diện của FPT trong lĩnh vực ô tô - ngành cốt lõi trong mảng kinh doanh CNTT nước ngoài của FPT, đóng góp 27% doanh thu CNTT nước ngoài trong năm 2024. Diễn biến này phù hợp với chiến lược của FPT nhằm mở rộng quy mô mảng CNTT nước ngoài tại Nhật Bản, vốn là thị trường trọng điểm - phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi.

* Hiện tại chúng tôi đưa ra giá mục tiêu là 121.200 đồng/cổ phiếu cho FPT.

MBB dự kiến sẽ giảm tỷ lệ sở hữu tại CTCP Chứng khoán MB từ mức 76,35% xuống 65,9%

- Hôm nay, Ngân hàng TMCP Quân đội (MBB) đã công bố việc đăng ký bán 60 triệu cổ phiếu (tương đương 10,45% vốn cổ phần) của CTCP Chứng khoán MB (MBS) thông qua phương thức khớp lệnh từ ngày 03/09 đến ngày 02/10/2025.

- Mục đích là nhằm gia tăng tỷ lệ sở hữu công chúng. Nếu giao dịch thành công, tỷ lệ sở hữu của MBB tại MBS sẽ giảm từ mức 76,35% xuống 65,9%, và MBS vẫn là công ty con của MBB.

* Quan điểm của chúng tôi: Chúng tôi kỳ vọng MBB sẽ duy trì tỷ lệ sở hữu ít nhất 65% trong dài hạn để đảm bảo quyền phủ quyết, đồng thời việc gia tăng tỷ lệ sở hữu của công chúng sẽ cải thiện khả năng thanh khoản cho cổ phiếu MBS. Tính đến quý 2/2025, số tiền mà MBB đầu tư vào MBS là 3.194 tỷ đồng (tương ứng 76,35% vốn) theo giá gốc. Giả định theo giá đóng cửa gần nhất của MBS, chúng tôi ước tính MBB có thể sẽ ghi nhận khoản lãi đầu tư là khoảng 2,1 nghìn tỷ đồng (xấp xỉ 7% dự báo LNTT năm 2025 của chúng tôi MBB). Khoản lãi đầu tư này có thể được hạch toán trực tiếp vào lợi nhuận giữ lại, và MBB sẽ tiếp tục hợp nhất MBS vào báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng số tiền thu được sẽ góp phần củng cố năng lực vốn của MBB, nhằm hỗ trợ tốt hơn cho mục tiêu tăng trưởng tín dụng mạnh mẽ của ngân hàng.

STK sẽ chi trả cổ tức cổ phiếu 45% từ lợi nhuận giữ lại năm 2024 theo tỷ lệ 100:45 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ nhận thêm 45 cổ phiếu mới)

* Thời gian chi trả dự kiến là trong năm 2025.

* Sau khi chia cổ tức bằng cổ phiếu, vốn điều lệ của STK sẽ tăng 45% từ mức 96,6 tỷ đồng hiện tại lên mức 140,1 tỷ đồng.

Hiện chúng tôi có khuyến nghị KHẢ QUAN đối với STK, với giá mục tiêu là 25.500 đồng/cp, tương ứng mức tổng mức sinh lời là 1,6% so với giá đóng cửa hôm nay.

Tóm tắt báo cáo trong ngày

SSI: Triển vọng GTGDTBN tích cực; đẩy mạnh hoạt động cho vay margin - Cập nhật

Ngành	Chứng khoán		2024	2025F	2026F	2027F
Ngày báo cáo	27/08/2025	TT Doanh thu	19,6%	31,2%	21,7%	6,8%
Giá hiện tại	36.650 VND	LNST-CĐTS (tỷ đồng)	2.835	4.621	6.281	6.673
Giá mục tiêu	40.800 VND	TT LNST	23,6%	63,0%	35,9%	6,2%
Giá mục tiêu gần nhất	27.100 VND	TT EPS	5,7%	47,4%	29,8%	6,2%
TL tăng	11,6%	Biên LN gộp	61,5%	71,4%	74,7%	75,0%
Lợi suất cổ tức	2,7%	Biên LN ròng	33,2%	41,2%	45,9%	45,6%
Tổng mức sinh lời	14,7%	P/B	2,7x	2,2x	2,1x	2,0x
Khuyến nghị	KHẢ QUAN	P/E	28,2x	19,1x	14,8x	13,9x
GT vốn hóa	70,2 nghìn tỷ đồng			SSI	Peers	VNI
Room KN	31,2 nghìn tỷ đồng	P/E (trượt)		25,1x	28,6x	15,2x
GTGD/ngày (30n)	2,2 nghìn tỷ đồng	P/B (hiện tại)		2,7x	2,5x	2,0x
Cổ phần Nhà nước	0%	ROE		13,1%	8,3%	13,4%
SL cổ phiếu lưu hành	1,973 tỷ	ROA		4,4%	3,2%	2,0%
Pha loãng	2,077 tỷ	Nợ ròng/VCSH		169%	111%	N/A

* Chúng tôi điều chỉnh tăng 50,6% giá mục tiêu cho CTCP Chứng khoán SSI (SSI) lên 40.800 đồng/CP và duy trì khuyến nghị KHẢ QUAN. Giá mục tiêu cao hơn chủ yếu là do (1) chúng tôi điều chỉnh tăng 22,6% dự báo tổng LNST giai đoạn 2025-2028 (tăng lần lượt +31,4%/+39,1%/+20,0%/+15,6%/+15,8% cho năm 2025/26/27/28/29), (2) nâng P/B mục tiêu của SSI từ 2,5x lên 3,0x, và (3) tăng dự báo chi trả cổ tức tiền mặt. Giá mục tiêu của chúng tôi tương đương P/B dự phóng năm 2025 là 2,6x.

* Chúng tôi điều chỉnh tăng dự báo lợi nhuận cho SSI, được thúc đẩy không chỉ bởi giá trị giao dịch trung bình ngày (GTGDTBN) trên thị trường chứng khoán Việt Nam cao hơn kỳ vọng (1,8 tỷ USD trong tháng 7-8/2025), mà còn nhờ thị phần môi giới và dịch vụ cho vay margin của SSI vượt dự kiến. Dư nợ cho vay margin quý 2/2025 đạt 33 nghìn tỷ đồng, vượt dự báo cả năm trước đó của chúng tôi là 26,9 nghìn tỷ đồng.

* Chúng tôi hiện kỳ vọng đợt phát hành riêng lẻ 104 triệu cổ phiếu (tương đương 5,3% số lượng cổ phiếu hiện hữu) sẽ diễn ra trong quý 4/2025F. Trong tháng 8/2025, trong bối cảnh VN-Index tăng mạnh, SSI đã công bố triển khai kế hoạch này với giá bán 31.300 đồng/CP, và đã được đăng ký mua toàn bộ bởi nhóm nhà đầu tư tổ chức và chuyên nghiệp.

* **Yếu tố hỗ trợ:** GTGD thị trường và dư nợ margin cao hơn kỳ vọng; SSI có thể được định giá lại lên mức P/B là 4,0x – tương đương đỉnh chu kỳ năm 2022 – so với P/B mục tiêu của chúng tôi là 3,0x. Với P/B đạt 4,0x, cổ phiếu sẽ có tiềm năng tăng thêm 35,1%.

Giá mục tiêu & Khuyến nghị - Cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Ngành	Room NN	GTVH tr USD	GTGD/ 30N trUSD	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Tỷ lệ tăng	Lợi suất cổ tức	Tổng mức sinh lời	Khuyến nghị	Ngày báo cáo gần nhất	P/E 2024	P/E 2025	P/E Ngành trượt 12T*	P/B trượt 12T
SAB	Đồ uống/Thực phẩm	41%	2.238	2,8	46.000	67.000	46%	10,9%	57%	MUA	06/03/25	12,7	12,6	16,0	2,8
VHC	Đồ uống/Thực phẩm	80%	479	4,8	56.200	81.700	45%	3,6%	49%	MUA	17/02/25	8,4	6,2	16,0	1,4
FRT	Bán lẻ	17%	846	4,6	131.000	193.800	48%	0,0%	48%	MUA	26/05/25	30,6	19,8	15,3	7,8
PTB	Công nghiệp	12%	130	0,5	51.100	71.000	39%	4,7%	44%	MUA	14/03/25	7,8	6,9	16,1	1,2
HPG	VLXD	28%	7.790	92,3	26.750	35.300	32%	3,0%	35%	MUA	14/08/25	12,8	9,6	16,1	1,7
NLG	Bất động sản	3%	641	8,3	43.900	58.600	33%	1,1%	35%	MUA	14/08/25	25,3	24,2	23,1	1,8
PLX	Xăng dầu	4%	1.755	5,3	36.400	47.800	31%	3,3%	35%	MUA	04/08/25	20,6	12,5	23,7	1,9
IDC	KCN	32%	635	8,2	44.100	56.100	27%	4,5%	32%	MUA	15/08/25	10,7	8,6	23,1	2,9
CTR	CNTT	43%	383	2,9	88.300	114.300	29%	2,3%	32%	KQ	30/06/25	22,9	19,0	18,2	5,1
KDH	Bất động sản	17%	1.533	10,4	36.000	47.100	31%	0,0%	31%	MUA	22/08/25	42,4	35,6	23,1	2,3
DGC	Công nghiệp	35%	1.422	13,8	98.700	126.000	28%	3,0%	31%	MUA	25/07/25	11,8	9,9	15,7	2,5
DHC	Công nghiệp	14%	113	0,7	30.900	39.100	27%	3,6%	30%	MUA	21/08/25	9,2	8,4	16,1	1,4
ACG	Gỗ	12%	212	0,0	37.000	45.800	24%	4,6%	28%	MUA	15/07/25	10,2	9,2	16,1	1,3
SIP	KCN	45%	544	2,1	59.200	73.900	25%	3,4%	28%	MUA	18/06/25	12,8	12,0	23,1	3,0
PNJ	Bán lẻ	0%	1.094	3,6	85.300	105.900	24%	2,3%	26%	MUA	14/08/25	14,4	13,2	11,0	2,4
TV2	Điện & Nước	6%	92	1,5	35.900	43.900	22%	2,8%	25%	KQ	25/07/25	49,1	16,5	13,7	1,9
MSN	Bán lẻ	75%	4.509	42,5	82.200	101.200	23%	0,0%	23%	MUA	21/05/25	43,7	28,0	13,7	3,7
VNM	Đồ uống/Thực phẩm	51%	4.797	14,8	60.500	70.300	16%	6,6%	23%	MUA	24/04/25	15,1	14,4	16,0	4,0
PHR	Công nghiệp	35%	288	2,0	56.000	67.400	20%	2,4%	23%	KQ	25/06/25	15,4	10,4	15,7	2,0
BMI	Bảo hiểm	20%	109	0,6	21.750	26.200	20%	2,3%	23%	MUA	12/04/24	8,9	7,6	17,5	1,0
TLG	Văn phòng phẩm	86%	174	0,6	53.000	61.300	16%	7,1%	23%	MUA	20/05/25	9,7	8,5	11,0	1,9
SZC	KCN	18%	242	4,6	35.450	42.400	20%	2,8%	22%	KQ	01/07/25	22,0	18,1	23,1	2,0
QTP	Điện & Nước	48%	228	0,3	13.300	15.000	13%	9,0%	22%	MUA	02/06/25	10,2	9,5	12,5	1,1
ACV	Hàng không	46%	8.136	3,1	61.000	74.300	22%	0,0%	22%	KQ	13/08/25	18,6	16,3	13,7	3,4

QNS	Đồ uống/Thực phẩm	40%	659	0,4	47.200	53.400	13%	8,5%	22%	KQ	30/08/24	6,9	6,8	16,0	1,7
PVS	Dầu khí	38%	624	13,4	34.400	41.600	21%	0,0%	21%	MUA	08/08/25	19,8	16,2	23,7	1,2
HVN	Hàng không	21%	3.651	2,0	30.900	37.100	20%	0,0%	20%	KQ	22/07/25	8,0	11,1	17,3	-25,6
VEA	Ô-tô	48%	1.968	1,0	39.200	42.200	8%	12,4%	20%	PHTT	20/09/24	7,5	6,9	13,7	1,8
PPC	Điện & Nước	44%	133	0,5	10.950	12.400	13%	5,5%	19%	PHTT	02/06/25	15,1	6,6	12,5	0,8
PVD	Dầu khí	45%	451	9,5	21.400	24.900	16%	2,3%	19%	KQ	11/08/25	16,7	12,5	23,7	0,7
PVT	Dầu khí	41%	319	4,4	17.900	21.200	18%	0,0%	18%	KQ	13/08/25	8,6	7,1	13,7	1,0
AST	DV Hàng không	4%	122	0,1	71.500	80.600	13%	4,9%	18%	MUA	26/08/25	14,8	12,5	15,3	5,6
CTG	Ngân hàng	3%	10.411	27,9	51.100	60.000	17%	0,0%	17%	MUA	18/08/25	10,4	8,7	13,6	1,7
GAS	Dầu khí	47%	6.124	3,6	68.900	78.400	14%	3,6%	17%	KQ	13/08/25	13,5	12,7	12,5	2,4
FPT	CNTT	12%	6.786	46,7	105.000	121.200	15%	1,9%	17%	KQ	14/08/25	19,6	16,8	17,4	5,4
DPG	Điện & Nước	46%	166	6,9	43.500	50.000	15%	2,3%	17%	KQ	07/07/25	13,4	6,1	18,2	2,2
PC1	Điện & Nước	35%	361	11,8	26.600	31.100	17%	0,0%	17%	KQ	05/08/25	18,5	10,9	18,2	1,7
OIL	Dầu khí	2%	453	1,7	11.500	13.300	16%	0,9%	17%	KQ	21/07/25	250,0	24,9	23,7	1,1
ACB	Ngân hàng	0%	5.388	26,2	27.650	31.200	13%	3,6%	16%	MUA	18/08/25	8,0	6,6	13,6	1,6
DGW	Bán lẻ	25%	345	6,5	41.550	47.400	14%	1,2%	15%	PHTT	23/07/25	17,0	12,9	15,3	3,0
BMP	VLXD	15%	438	0,9	141.000	149.000	6%	9,6%	15%	KQ	28/05/25	10,1	10,5	18,2	4,1
BWE	Điện & Nước	40%	397	0,5	47.550	53.100	12%	2,7%	14%	KQ	11/08/25	15,7	11,1	12,5	1,9
SCS	DV Hàng không	16%	233	1,3	64.800	67.000	3%	9,3%	13%	KQ	29/05/25	9,0	8,7	17,3	4,5
VPB	Ngân hàng	5%	10.024	75,4	33.300	37.000	11%	1,5%	13%	PHTT	21/08/25	13,9	10,7	13,6	1,8
VCB	Ngân hàng	8%	21.905	24,7	69.100	77.600	12%	0,0%	12%	MUA	25/08/25	17,2	14,5	13,6	2,7
STB	Ngân hàng	10%	3.977	34,7	55.600	62.400	12%	0,0%	12%	KQ	25/08/25	8,3	4,4	13,6	1,8
PLC	Dầu khí	48%	82	1,2	26.800	29.050	8%	3,7%	12%	MUA	11/04/25	19,1	8,6	15,7	1,7
NT2	Điện & Nước	39%	244	1,8	22.300	23.500	5%	6,7%	12%	MUA	18/07/25	13,6	8,3	12,5	1,5
REE	Điện & Nước	0%	1.356	2,9	66.000	72.200	9%	1,5%	11%	PHTT	15/08/25	14,0	11,7	13,7	1,8
MBB	Ngân hàng	0%	8.373	55,1	27.400	30.000	9%	1,1%	11%	KQ	25/08/25	8,5	7,0	13,6	1,8
DCM	Phân bón	42%	777	12,1	38.700	40.700	5%	5,2%	10%	MUA	10/07/25	12,9	10,0	15,7	2,0
VGC	KCN	43%	1.050	7,0	61.700	65.300	6%	3,6%	9%	PHTT	19/08/25	19,4	14,0	18,2	3,1
GVR	Công nghiệp	12%	4.424	8,2	29.150	31.200	7%	1,4%	8%	PHTT	04/07/25	27,2	24,4	15,7	2,1

TCB	Ngân hàng	0%	10.472	57,4	38.950	40.800	5%	2,6%	7%	KQ	11/08/25	10,9	9,1	13,6	1,8
MWG	Bán lẻ	1%	4.207	34,2	75.000	78.300	4%	1,3%	6%	MUA	30/05/25	20,0	15,4	15,3	3,7
KBC	KCN	34%	1.404	15,8	39.300	41.500	6%	0,0%	6%	MUA	11/08/25	20,8	12,9	23,1	1,6
BID	Ngân hàng	13%	11.401	19,7	42.800	44.800	5%	0,0%	5%	MUA	26/05/25	12,9	12,1	13,6	1,9
SSI	Chứng khoán	60%	3.011	88,4	40.250	40.800	1%	2,5%	4%	KQ	27/08/25	28,4	22,2	23,1	2,8
GMD	GTVT	9%	1.052	9,8	66.000	65.700	0%	3,3%	3%	KQ	31/07/25	20,0	20,4	13,7	2,3
HDG	Điện & Nước	31%	441	10,0	31.450	32.300	3%	0,0%	3%	MUA	08/08/25	20,5	10,1	23,1	1,9
TDM	Điện & Nước	48%	249	0,1	59.000	58.600	-1%	2,4%	2%	PHTT	11/08/25	32,4	23,2	12,5	2,6
STK	Dệt may	82%	96	0,1	26.050	25.500	-2%	0,0%	-2%	KQ	17/01/25	31,3	17,5	15,7	1,5
GEX	Điện & Nước	43%	1.849	36,1	54.000	52.300	-3%	0,9%	-2%	PHTT	21/08/25	32,1	28,0	13,7	3,3
BVH	Bảo hiểm	22%	1.681	2,6	59.700	56.900	-5%	1,5%	-3%	KQ	26/05/25	16,8	14,2	17,5	1,9
VRE	Bất động sản	31%	2.638	8,0	30.600	29.200	-5%	0,0%	-5%	KQ	27/05/25	16,2	13,9	23,1	1,6
DPM	Phân bón	43%	690	8,3	26.750	23.900	-11%	4,3%	-6%	KQ	10/07/25	24,2	16,7	15,7	1,6
VIB	Ngân hàng	0%	2.886	22,5	22.350	20.800	-7%	0,0%	-7%	KQ	23/05/25	8,6	7,5	13,6	1,7
POW	Điện & Nước	46%	1.457	11,4	16.400	14.800	-10%	0,0%	-10%	KQ	02/06/25	30,7	20,6	12,5	1,2
HDC	Bất động sản	43%	240	11,6	35.500	30.400	-14%	0,0%	-14%	KQ	21/03/25	36,9	21,4	23,1	2,7
NKG	VLXD	44%	267	13,8	15.700	13.100	-17%	0,0%	-17%	PHTT	18/04/25	16,4	12,1	16,1	0,9
HDB	Ngân hàng	0%	4.303	34,5	32.450	27.000	-17%	0,0%	-17%	MUA	22/05/25	7,3	6,3	13,6	1,8
BSR	Lọc hóa dầu	48%	3.117	19,2	26.500	21.200	-20%	2,6%	-17%	KQ	26/11/24	15,4	14,8	23,7	1,5
DXG	Bất động sản	24%	879	23,5	22.750	18.600	-18%	0,0%	-18%	KQ	05/06/25	89,6	56,6	23,1	1,9
TPB	Ngân hàng	5%	2.025	41,2	20.200	16.500	-18%	0,0%	-18%	MUA	27/05/25	8,1	7,4	13,6	1,4
VJC	Hàng không	22%	3.234	17,0	144.100	114.000	-21%	0,0%	-21%	KQ	15/03/24	20,8	16,1	17,3	3,6
HSG	VLXD	39%	431	10,2	18.300	13.500	-26%	2,7%	-23%	PHTT	18/04/25	22,9	19,4	16,1	1,0
DXS	Bất động sản	30%	281	3,0	12.800	9.200	-28%	0,0%	-28%	KQ	05/06/25	27,9	18,1	23,1	1,2
VTP	GTVT	44%	470	4,0	101.700	69.000	-32%	1,5%	-31%	PHTT	06/09/24	35,0	29,9	13,7	7,4
VIC	Bất động sản	44%	19.296	41,8	132.000	90.300	-32%	0,0%	-32%	PHTT	27/05/25	38,0	46,1	23,1	3,5
LPB	Ngân hàng	4%	4.964	8,6	43.800	29.800	-32%	0,0%	-32%	BÁN	18/08/25	12,9	12,6	13,6	3,2
VHM	Bất động sản	40%	16.300	23,0	104.600	67.400	-36%	0,0%	-36%	PHTT	27/05/25	13,4	13,7	23,1	2,0

Nguồn: Fiinpro, Vietcap (phân loại ngành của Vietcap; khuyến nghị của chuyên viên phân tích được công bố trong báo cáo cập nhật gần nhất), KQ: KHẢ QUAN, PHTT; PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG, KKO: KÉM KHẢ QUAN, KĐG: KHÔNG ĐÁNH GIÁ. *P/E trượt của ngành dựa trên phân loại của ICB, có thể khác với phân loại ngành của Vietcap

Thống kê Danh mục khuyến nghị của Vietcap

					Trung bình cộng					Trung bình				
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	Lợi suất cổ tức trung bình
MUA	33	92.583	2.806	12	15,2	13,4	11,2	15,3	2,1	24,6	15,8	12,3	2,3	3,0%
KHẢ QUAN	33	73.265	2.220	10	14,5	12,9	10,7	13,7	2,2	30,0	27,6	15,2	1,4	2,1%
PHÙ HỢP TT	14	58.161	4.154	4	20,3	18,4	17,2	15,1	2,3	23,1	21,7	18,6	2,5	2,5%
KÉM KHẢ QUAN	0	0	N/A	0	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
BÁN	1	4.964	4.964	0	14,2	12,9	12,6	8,8	3,2	14,2	12,9	12,6	3,2	0,0%
TỔNG CỘNG	81	228.973	2.827	26	16,0	14,2	12,1	14,5	2,2	26,4	21,6	14,6	2,0	2,5%

					Trung bình cộng					Trung bình				
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	Lợi suất cổ tức trung bình
Ngân hàng	12	96.129	8.011	11	12,8	11,3	9,2	11,9	2,0	12,1	10,6	8,9	1,9	0,7%
Bảo hiểm	2	1.791	895	1	20,0	15,9	13,5	15,4	1,8	17,0	12,8	10,9	1,4	1,9%
Chứng khoán	1	3.011	3.011	1	32,2	28,4	22,2	28,8	2,8	32,2	28,4	22,2	2,8	2,5%
Tiêu dùng	13	28.486	2.191	5	18,8	16,5	14,2	19,6	3,4	23,6	17,6	13,9	3,4	4,5%
Bất động sản	8	41.809	5.226	2	22,8	21,1	21,9	15,3	2,5	48,1	36,2	28,7	2,1	0,1%
Vật liệu	4	8.925	2.231	1	17,2	13,0	9,9	16,4	1,6	16,0	15,5	12,9	1,9	3,8%
Điện & Nước	12	6.973	581	1	24,4	20,5	14,5	21,0	1,8	31,0	22,1	13,6	1,8	2,8%
Dầu khí	10	14.392	1.439	2	20,7	15,4	13,1	16,6	1,7	35,6	40,1	13,6	1,5	2,6%
Công nghiệp	5	1.972	394	0	13,6	11,4	9,6	14,4	2,0	20,8	14,1	10,4	1,6	3,2%
Khu công nghiệp	7	8.586	1.227	1	24,5	20,6	16,4	22,7	2,1	28,2	18,3	14,4	2,4	2,6%
GTVT & Logistics	7	16.899	2.414	1	12,9	14,7	14,9	16,2	4,5	20,5	18,0	16,4	0,2	2,7%
TỔNG CỘNG	81	228.973	2.827	26	16,0	14,2	12,1	14,5	2,2	26,4	21,6	14,6	2,0	2,5%

Nguồn: Fiinpro, Vietcap

Ghi chú: P/E dự phóng dựa theo dự báo của Vietcap

Cập nhật KQKD Q2 2025 – Các cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Tăng trưởng EPS 6T/2025 so với cùng kỳ	Tăng trưởng EPS 2025F	Khuyến nghị cũ	Khuyến nghị mới	Nhận xét
Ngân hàng					
ACB	2%	8%	MUA	MUA	Định giá hấp dẫn; sẵn sàng cho đà phục hồi NIM
BID	3%	3%	MUA		Lợi nhuận đạt kỳ vọng nhưng chất lượng tài sản chưa được cải thiện.
CTG	46%	18%	MUA	MUA	Tăng trưởng lợi nhuận đột biến vượt kỳ vọng nhờ chi phí tín dụng giảm mạnh.
HDB	25%	22%	MUA		NIM cải thiện, thu nhập ngoài lãi mạnh mẽ hỗ trợ tăng trưởng lợi nhuận
LPB	4%	10%	KKQ	BÁN	KQKD 6T25 đạt kỳ vọng của chúng tôi với tăng trưởng tín dụng tốt, chất lượng tài sản ổn định, và NIM Q2 phục hồi tích cực từ nền thấp trong Q1.
MBB	22%	13%	MUA	KQ	Lợi thế cạnh tranh vững chắc thúc đẩy triển vọng tăng trưởng
STB	35%	27%	MUA		Lợi nhuận quý 2 tăng trưởng mạnh, phù hợp với kỳ vọng; hiệu quả hoạt động tiếp tục cải thiện
TCB	-2%	17%	MUA	KQ	KQKD 6T25 đạt kỳ vọng của chúng tôi với tăng trưởng tín dụng tốt, chất lượng tài sản ổn định, và NIM Q2 phục hồi tích cực từ nền thấp trong Q1.
TPB	11%	9%	MUA		Tăng trưởng tín dụng mạnh mẽ nhờ cả khách hàng cá nhân và doanh nghiệp
VCB	5%	9%	MUA		KQKD phù hợp với kỳ vọng; tăng trưởng tín dụng tăng tốc trong Q2.
VIB	8%	9%	KQ		KQKD phù hợp với dự phóng của chúng tôi; mảng khách hàng doanh nghiệp thúc đẩy tăng trưởng tín dụng trong 6T 2025
VPB	24%	21%	MUA	MUA	Định giá phản ánh triển vọng tăng trưởng khả quan hơn nhờ chính sách thuế quan rõ ràng hơn
ĐCTC phi ngân hàng					
BMI	-4%	50%	MUA		Thu nhập cổ tức thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận mạnh mẽ so với quý trước
BVH	36%	23%	KQ		Tăng trưởng phí bảo hiểm nhân thọ tiếp tục phục hồi; chi phí dự phòng kỹ thuật thấp hơn giúp cải thiện biên lợi nhuận HDKD bảo hiểm
SSI	12%	13%	MUA		Thị phần môi giới quý 2/2025 đạt mức cao nhất trong 3 năm
Tiêu dùng					
CTR	11%	9%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTTS tăng 11% YoY nhờ đà tăng trưởng ổn định của mảng hạ tầng cho thuê
DGW	22%	23%	PHTT	PHTT	LNST sau lợi ích CĐTTS trong nửa đầu năm 2025 tăng 22% YoY, phù hợp với dự báo của chúng tôi
FPT	19%	16%	MUA	KQ	LNST sau lợi ích CĐTTS trong nửa đầu năm 2025 tăng 20% YoY dù tăng trưởng doanh thu mảng CNTT nước ngoài giảm tốc, chỉ đạt 14% YoY
FRT	337%	133%	MUA		Biên lợi nhuận của Long Châu cải thiện, nhưng lợi nhuận của FPT Shop thấp hơn kỳ vọng
MSN (2)	135%	122%	MUA		MCH tạm chững lại trong quý 2/2025 ; cộng hưởng tiêu dùng - bán lẻ giúp cải tiến phân phối và sản phẩm

MWG	54%	35%	MUA		Mảng điện máy gia tăng thị phần nhờ dịch vụ gia tăng; BHX giảm tốc mở rộng trong tháng 6 để chuẩn bị tối ưu hóa
PNJ	-4%	-5%	MUA	MUA	LNST nửa đầu năm 2025 giảm 4% YoY dù doanh thu bán lẻ tăng 6% YoY, phù hợp với kỳ vọng
QNS	-23%	0%	KQ		Mảng sữa đậu nành tiếp tục dẫn dắt tăng trưởng; mảng đường yếu nhưng có cải thiện
SAB	-11%	9%	MUA		Biên lợi nhuận gộp mảng bia cải thiện một phần bù đắp sản lượng bia giảm
TLG	-9%	9%	MUA		Xuất khẩu phục hồi mạnh so với quý trước; biên lợi nhuận gộp trong nước đạt kỳ lục
VEA	5%	11%	PHTT		Lợi nhuận nửa đầu năm tăng 5% YoY nhờ đà tăng trong doanh số của Toyota và Ford
VHC	0%	21%	MUA		
VNM	-17%	6%	MUA		Doanh thu trong nước phục hồi sau tái cơ cấu kênh phân phối; tung nhiều sản phẩm mới
GTVT & Logistics					
ACV	-7%	-14%	MUA	KQ	Doanh thu tăng trưởng khả quan, nhưng lỗ tỷ giá ảnh hưởng lợi nhuận
AST	73%	51%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS tăng 92% YoY, vượt dự báo
GMD (2)	41%	-3%	KQ		LNST của Gemalink thấp hơn nhẹ so với kỳ vọng, nhưng hiệu quả chi phí SG&A hỗ trợ cho lợi nhuận quý 2; lợi nhuận nửa đầu năm phù hợp với dự phóng
HVN	20%	13%	PHTT		Biên lợi nhuận gộp thúc đẩy lợi nhuận vượt kỳ vọng; hoạt động tái cấp vốn giúp củng cố bảng cân đối kế toán
SCS	7%	-1%	KQ		Tăng trưởng lợi nhuận đi ngang so với cùng kỳ trong quý 2 do hết ưu đãi thuế; phù hợp với kỳ vọng
VJC	56%	6%	KQ		Doanh thu duy trì ổn định với biên lợi nhuận cải thiện
VTP	16%	15%	PHTT		Mảng chuyển phát dẫn dắt tăng trưởng lợi nhuận 16% YoY trong nửa đầu năm 2025
Bất động sản					
DXG	107%	-12%	KQ		Lợi nhuận 6 tháng đầu năm phù hợp kỳ vọng
DXS	3,7x	110%	KQ		Mảng môi giới phục hồi mạnh mẽ, ghi nhận doanh thu từ bàn giao bất động sản cao hơn và biên lợi nhuận cải thiện thúc đẩy lợi nhuận 6 tháng đầu năm
HDC	-2%	145%	KQ		Ghi nhận chuyển nhượng một phần tại dự án Đại Dương thúc đẩy lợi nhuận quý 2, bù đắp hoạt động bàn giao BĐS kém khả quan
KDH	-6%	17%	MUA	MUA	Quý đất chiến lược tại trung tâm TP. HCM thúc đẩy tăng trưởng dài hạn
NLG	218%	35%	MUA	MUA	Thị trường phục hồi, quỹ đất sẵn sàng dự kiến thúc đẩy triển vọng doanh số bán hàng
VHM	-8%	7%	PHTT		Lợi nhuận quý 2 tăng QoQ nhờ lượng bàn giao cao hơn và thu nhập tài chính khác; dự án Wonder City và Royal Island thúc đẩy tăng trưởng doanh số bán hàng nửa đầu năm
VIC	45%	9%	PHTT		Tiếp tục ghi nhận các khoản tài trợ từ Chủ tịch HĐQT; mảng khách sạn nghỉ dưỡng ghi nhận lợi nhuận từ HĐKD dương trong quý 2
VRE	15%	5%	KQ		Mảng cho thuê bán lẻ ghi nhận tăng trưởng YoY ổn định; thu nhập tài chính và thu nhập khác thúc đẩy tăng trưởng LNST sau lợi ích CĐTTS nửa đầu năm
Khu công nghiệp					

GVR	100%	8%	PHTT		KQKD khả quan của mảng cao su & thu nhập ròng khác từ thanh lý cây dẫn dắt đà tăng trưởng của lợi nhuận trong nửa đầu năm 2025
IDC	-43%	-21%	MUA	MUA	Triển vọng doanh số cho thuê đất KCN khả quan; quỹ đất lớn tạo động lực tăng trưởng
KBC	663%	280%	MUA	MUA	Hoạt động mở bán các dự án mới dự kiến sẽ thúc đẩy lợi nhuận tăng mạnh
PHR	35%	19%	KQ		Giá bán cao su duy trì khả quan thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận trong giai đoạn nửa đầu năm 2025
SIP	21%	4%	MUA		Mảng dịch vụ tiện ích KCN đóng góp tích cực vào tăng trưởng lợi nhuận; dòng tiền mảng KCN tăng mạnh trong quý 2
SZC	32%	4%	KQ		Bàn giao đất KCN dẫn dắt tăng trưởng lợi nhuận 6 tháng đầu năm; phù hợp với kỳ vọng
Vật liệu & Công nghiệp					
ACG	-22%	-5%	MUA		Lợi nhuận quý 2 thấp hơn một chút kỳ vọng do nhu cầu trong nước còn thấp, áp lực biên lợi nhuận xuất khẩu và chi phí bán hàng & quản lý (SG&A) tăng cao
BMP	31%	17%	KQ		Chi phí đầu vào thấp thúc đẩy biên lợi nhuận, lợi nhuận quý 2 đạt mức cao kỷ lục; vượt nhẹ so với dự báo
DGC	10%	14%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS tăng 10% YoY trong 6T 2025, phù hợp kỳ vọng
DHC	37%	34%	KQ	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS tăng mạnh 37% YoY nhưng vẫn thấp hơn kỳ vọng
DRC	23%	35%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS quý 2/2025 tăng 27% QoQ và 28% YoY; phù hợp với kỳ vọng
HPG	-19%	-2%	PHTT		Lợi nhuận cốt lõi quý 2 cải thiện QoQ từ mức lỗ trong quý 1, nhưng vẫn giảm YoY
HSG (1)	-68%	-26%	PHTT		Lợi nhuận cốt lõi quý 2 giảm mạnh 50% QoQ và 93% YoY; thấp hơn kỳ vọng
NKG	16%	27%	MUA		LNTT tăng 15% YoY, mảng gỗ tiếp tục là động lực tăng trưởng chính
PTB	N.M.	386%	KQ		Sản lượng bán hàng thấp hơn kỳ vọng; lỗ tỷ giá ăn mòn biên lợi nhuận gộp đang phục hồi
STK	-22%	-5%	MUA		Lợi nhuận quý 2 thấp hơn một chút kỳ vọng do nhu cầu trong nước còn thấp, áp lực biên lợi nhuận xuất khẩu và chi phí bán hàng & quản lý (SG&A) tăng cao
Điện & Nước					
BWE (2)	27%	14%	PHTT	KQ	LNST quý 2 tăng gấp đôi YoY, nhìn chung phù hợp với dự báo
GEX	-6%	-6%	KQ	PHTT	Lợi nhuận thuần cốt lõi tăng trưởng mạnh từ GEE, VGC, VCW thúc đẩy LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi quý 2 của GEX tăng mạnh 3.1 lần YoY
HDG	-54%	68%	MUA	MUA	Chi phí sử dụng đất bổ sung và lỗ tỷ giá gây ảnh hưởng đến LNST quý 2, tuy nhiên công ty ghi nhận nhiều diễn biến tích cực tại dự án Infra 1
NT2	N.M.	492%	KQ	MUA	Mức tăng cao vượt kỳ vọng của sản lượng điện hợp đồng là động lực chính thúc đẩy LNST tăng gấp 2.7 lần YoY; triển vọng tăng trưởng lớn
PC1	-19%	19%	MUA	KQ	Biên lợi nhuận gộp mảng xây lắp điện phục hồi, phù hợp với dự báo
POW	52%	19%	KQ		Mức tăng mạnh của tỷ lệ Qc cam kết bù đắp cho khoản lỗ tỷ giá, thúc đẩy đà tăng trưởng của LNST quý 2
PPC	-77%	-43%	PHTT		LNST sau lợi ích CĐTTS nửa đầu năm 2025 giảm 77% YoY do sản lượng thấp, phù hợp với kỳ vọng

QTP	-7%	-5%	MUA		LNTT 6T 2025 cao hơn một chút so với kỳ vọng với mức tăng 5%, được hỗ trợ bởi chi phí đầu vào và chi phí bảo trì thấp hơn
REE	48%	29%	MUA	PHTT	Sản lượng thủy điện cao thúc đẩy LNST tăng mạnh YoY trong quý 2
TDM (2)	-26%	-57%	PHTT	PHTT	Thu nhập cổ tức thúc đẩy lợi nhuận 6T 2025; M&A Biwase Long An
TV2	-42%	60%	PHTT		LNST sau lợi ích CĐTS quý 2 giảm mạnh 43% YoY, KQKD thấp hơn so với dự báo
DPG	28%	35%	KQ		Mảng năng lượng & xây dựng ghi nhận đà tăng trưởng mạnh, cao hơn nhẹ so với kỳ vọng
VGC	109%	35%	KQ	PHTT	Doanh thu cho thuê đất KCN tăng mạnh vượt kỳ vọng giữa bối cảnh thuế quan bất lợi, biên lợi nhuận gộp cao thúc đẩy LNST quý 2 tăng 2.8 lần YoY
Dầu khí					
BSR	-35%	311%	KQ		Lợi nhuận cốt lõi quý 2 tăng gấp đôi sau đợt bảo dưỡng tổng thể, nhưng lợi nhuận giai đoạn nửa đầu năm vẫn khá thấp
DCM (2)	31%	21%	MUA	MUA	LNST cốt lõi quý 2 gần như tăng gấp đôi YoY nhờ ASP urê tăng mạnh và sản lượng NPK tăng mạnh
DPM	23%	69%	KQ	KQ	Giá bán trung bình của urê tăng mạnh thúc đẩy LNST tăng mạnh, tiềm năng tăng dự báo rõ rệt
GAS	29%	17%	MUA	KQ	Hoàn nhập dự phòng hỗ trợ tăng trưởng LNST mặc dù sản lượng bán/ giá FO giảm; tiềm năng điều chỉnh tăng nhẹ dự báo
OIL (2)	-34%	-8%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTS quý 2 tăng gấp đôi YoY nhờ sản lượng tăng, vượt dự báo
PLX (2)	-37%	-6%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTS quý 2 đạt mức cao nhất trong 3 năm qua nhờ mức tăng trưởng của thị phần bất chấp giá dầu biến động; tiềm năng tăng dự báo rõ ràng
PLC	311%	162%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS 6T 2025 tăng gấp 4 lần nhờ mảng nhựa đường phục hồi trong xu hướng tăng đầu tư công
PVD (2)	-16%	4%	KQ	KQ	LNST sau lợi ích CĐTS quý 2 tăng 71% YoY nhờ dịch vụ giếng khoan tăng mạnh, khoản lợi nhuận bất thường; tiềm năng điều chỉnh tăng nhẹ
PVS (2)	50%	21%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTS quý 2 tăng mạnh 85% YoY nhờ biên lợi nhuận mảng M&C và lãi tỷ giá tăng mạnh, vượt kỳ vọng
PVT (2)	-12%	3%	KQ	KQ	LNST sau lợi ích CĐTS nửa đầu năm giảm 2% YoY dù doanh thu tăng mạnh, phù hợp kỳ vọng

(*) Ghi chú: Chúng tôi sẽ cập nhật kết quả của từng công ty khi KQKD được công bố. (1) Năm tài chính của HSG bắt đầu từ ngày 01/10 đến ngày 30/09. Do đó KQKD quá khứ trên là tăng trưởng EPS quý 2/năm tài chính 2025 so với quý 2/năm tài chính 2024. (2) Dựa trên LN cốt lõi, không bao gồm các khoản bất thường

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Δ
VNIndex	1.672,8	5,2
VN 30	1.848,6	-0,5
VN Mid	2.535,1	15,6
VNSmall	1.597,2	3,0

Sàn GDCK Hà Nội (HNX)

	Điểm	Δ
HNXINDEX	276,4	0,6
HNX30	610,0	0,9
VNX Allshare	2.872,2	1,8

Sàn Upcom (UPCOM)

	Điểm	Δ
UpCom	109,9	1,1

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	2.854,6	6,0%
Khối ngoại mua	3.582,7	7,5%
Khối ngoại bán	7.649,6	16,1%
Tổng giao dịch	47.465,3	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	96,6	3,2%
Khối ngoại mua	205,9	6,8%
Khối ngoại bán	188,9	6,3%
Tổng giao dịch	3.018,8	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	290,2	29,7%
Khối ngoại mua	33,9	3,5%
Khối ngoại bán	179,9	18,4%
Tổng giao dịch	976,0	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
GMD	4.300	7,0%
VCB	4.500	7,0%
CSM	1.000	6,9%
TVB	590	6,9%
PAN	2.200	6,9%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
TVC	900	9,2%
KSV	7.500	5,1%
BKC	1.200	4,5%
C69	300	3,3%
HVT	900	2,9%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
ECO	4.715	14,3%
AAS	2.612	13,9%
ABW	420	3,8%
ABB	265	2,2%
C4G	188	2,1%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
CII	-1.350	-5,6%
HAR	-290	-5,1%
HVH	-650	-4,5%
NHA	-1.000	-4,2%
HAG	-650	-3,8%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
VGS	-1.000	-3,3%
IDJ	-200	-2,8%
API	-200	-2,2%
MBS	-900	-2,1%
NAG	-300	-2,1%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
GHC	-904	-3,0%
CTX	-368	-1,7%
BWS	-225	-0,7%
GDA	-37	-0,2%
CLX	-7	0,0%

(*) GT vốn hóa > 500 tỷ đồng VND, Giá trị GD > 1.5 tỷ đồng

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
VPB	2.986
SSI	2.435
HPG	2.433
VCB	2.279
VIX	2.266

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
SHS	1.047
CEO	530
MBS	341
PVS	177
IDC	138

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
OIL	142
TIN	97
AAS	96
BVB	89
MCH	62

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
HCD	631.073	106.005
KOS	2.130.500	536.251
TEG	723.972	182.651
TVB	1.036.210	264.332
VCB	33.254.601	10.288.456
CIG	760.455	260.744
TTA	3.048.299	1.169.731
PAN	6.094.556	2.495.776
GMD	10.311.063	4.298.238
DXG	70.642.082	30.150.251

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
PGN	768.100	127.757
TVC	2.210.972	630.643
L40	416.508	133.937
HBS	270.900	138.953
TTH	1.098.121	597.562
ITQ	445.725	284.398
VFS	5.622.636	3.625.047
PPT	325.641	217.797
TDT	141.683	96.221
VTZ	3.411.830	2.324.606

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
ABI	171.288	72.506
AAS	4.322.512	2.937.630
HNM	454.200	320.433
AVG	194.027	151.488
HVA	213.434	178.381
HSV	310.632	286.736
ACV	1.006.777	1.051.626
FOX	164.216	195.550
DGT	475.318	567.775
ALV	111.414	133.836

(*) Có ít nhất 50.000 cổ phiếu giao dịch trong phiên hôm nay

Top 5 mã vốn hóa lớn nhất của mỗi ngành

Dịch vụ tài chính **

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.777,0		26,6	2,7	9,5
SSI	3.011,1	60,1	25,5	2,8	11,4
VIX	2.141,0	86,9	26,5	3,2	12,4
VND	1.374,6	82,8	23,9	1,9	7,6
VCI	1.225,4	71,8	32,7	2,6	7,8
HCM	1.132,9	10,7	24,6	2,9	8,5

Bảo hiểm

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	558,2		17,2	1,6	10,1
BVH	1.681,3	21,8	18,0	1,9	10,6
PVI	576,8	42,4	15,9	1,8	11,9
BIC	230,9	6,6	27,0	2,0	7,6
VNR	162,9	22,8	13,5	1,1	8,2
MIG	139,2	83,7	11,8	1,4	12,5

Công nghiệp

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.218,5		24,9	4,0	19,2
ACV	8.136,0	46,1	21,8	3,4	16,2
MVN	2.515,0	0,0	43,1	5,0	12,1
VEA	1.968,3	47,6	6,9	1,8	26,6
GEX	1.848,8	42,9	31,0	3,3	11,1
GEE	1.624,6	49,7	21,7	6,3	29,8

Hàng tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.497,4		20,1	4,1	24,3
MCH	4.848,9	34,3	13,4	7,6	50,1
VNM	4.797,1	51,3	14,8	4,0	26,6
MSN	4.509,2	74,8	44,2	3,7	9,2
SAB	2.238,3	41,4	14,4	2,8	17,5
PNJ	1.093,5	0,0	13,9	2,4	18,2

Dầu khí

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.279,9		-311,4	1,3	5,0
BSR	3.117,2	48,4	-1.647,4	1,5	-0,1
PLX	1.754,7	3,5	22,8	1,9	7,9
PVS	623,8	37,9	13,0	1,2	9,3
OIL	452,5	1,9	39,6	1,1	2,9
PVD	451,3	45,3	15,0	0,7	5,0

Tiện ích

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.119,7		19,1	2,2	12,9
GAS	6.123,8	47,2	13,4	2,4	19,4
POW	1.457,1	45,8	26,3	1,2	4,5
REE	1.356,3	0,0	14,9	1,8	12,6
PGV	882,3	50,0	22,2	1,5	7,2
DNH	778,8	0,0	18,8	3,9	20,8

Bất động sản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	8.486,6		27,5	2,6	11,5
VIC	19.295,8	44,2	36,9	3,5	9,9
VHM	16.300,0	39,8	15,0	2,0	14,8
BCM	2.666,2	31,9	19,4	3,4	18,2
VRE	2.638,0	31,3	15,8	1,6	10,4
KDH	1.532,7	17,5	50,3	2,3	4,6

Ngân hàng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	12.842,5		13,1	2,0	16,3
VCB	21.905,2	8,2	16,7	2,7	17,2
BID	11.401,3	12,6	11,6	1,9	17,6
TCB	10.471,5	0,0	12,9	1,8	14,3
CTG	10.410,8	3,3	9,1	1,7	20,0
VPB	10.023,5	4,8	15,2	1,8	12,2

Dịch vụ tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.479,0		33,8	-1,2	-11,1
VPL	5.456,5	48,9	54,5	4,6	0,0
MWG	4.206,9	0,9	22,7	3,7	17,0
HVN	3.651,1	21,1	8,3	-25,6	-107,2
VJC	3.234,4	22,0	42,0	3,6	9,9
FRT	846,4	17,3	41,4	7,8	24,9

Vật liệu cơ bản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.497,4		20,1	4,1	24,3
HPG	4.848,9	28,2	13,4	7,6	50,1
GVR	4.797,1	12,4	14,8	4,0	26,6
DGC	4.509,2	35,4	44,2	3,7	9,2
KSV	2.238,3	0,0	14,4	2,8	17,5
MSR	1.093,5	100,0	13,9	2,4	18,2

Y tế

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.279,9		-311,4	1,3	5,0
DHG	3.117,2	46,1	-1.647,4	1,5	-0,1
IMP	1.754,7	26,8	22,8	1,9	7,9
DVN	623,8	0,0	13,0	1,2	9,3
DBD	452,5	84,5	39,6	1,1	2,9
DTP	451,3	0,0	15,0	0,7	5,0

Công nghệ

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.119,7		19,1	2,2	12,9
FPT	6.123,8	11,5	13,4	2,4	19,4
CMG	1.457,1	11,6	26,3	1,2	4,5
SAM	1.356,3	48,2	14,9	1,8	12,6
SGT	882,3	-5,5	22,2	1,5	7,2
ELC	778,8	46,6	18,8	3,9	20,8

Nguồn: Fiinpro, Vietcap

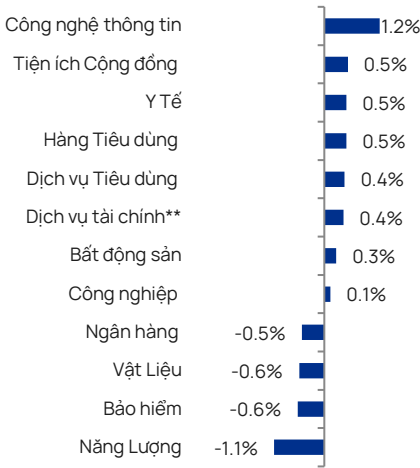
* Phân ngành theo ICB, GT vốn hóa (triệu USD), FOL còn lại (%)

** ngoại trừ ngân hàng

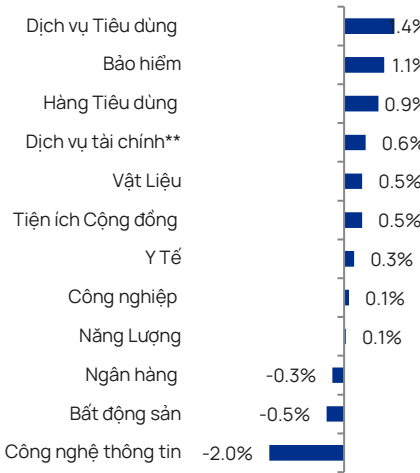
Diễn biến hằng ngày theo ngành

Sàn giao dịch chứng khoán

Tp. Hồ Chí Minh (HSX)



Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)



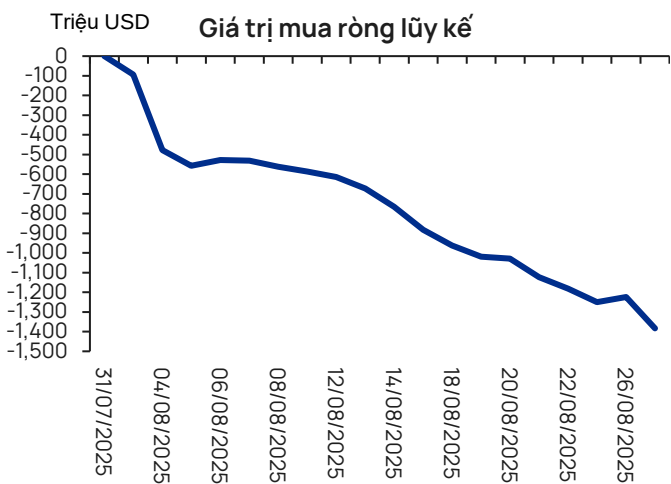
Sàn giao dịch chứng khoán

Tp. Hồ Chí Minh và Hà Nội (HSX+HNX)



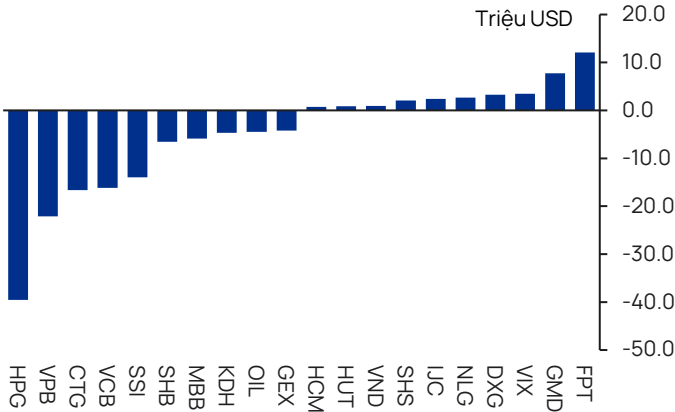
GTGD của khối ngoại cộng dồn trong 20 ngày

(HSX, HNX, UPCOM)



Các mã khối ngoại mua ròng và bán ròng cao nhất nhất

(HSX, HNX, UPCOM) trong ngày



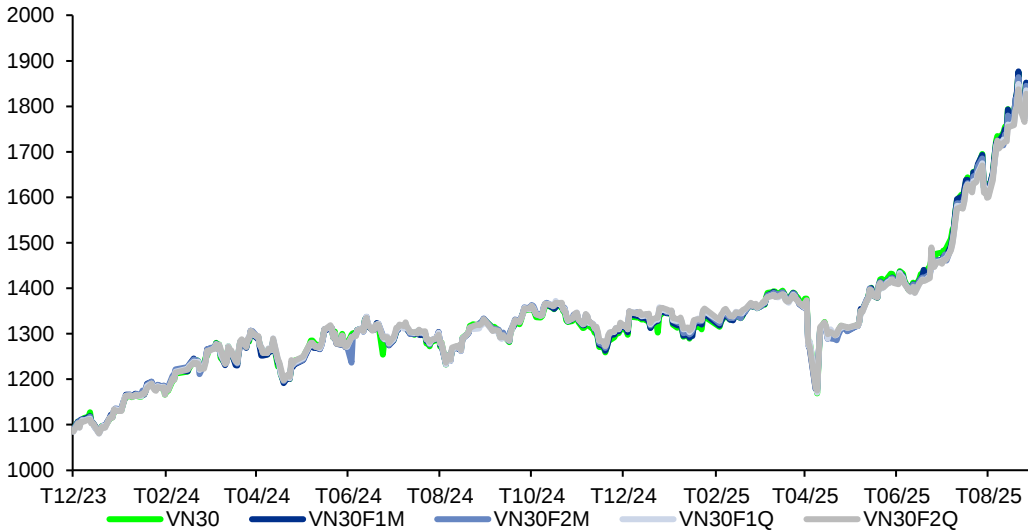
Nguồn: HSX, HNX, Fiinpro

** ngoại trừ ngân hàng

Giao dịch Phái sinh

Hợp đồng	Giá	Net Δ	% Δ	Chênh lệch
VN30F2509	1.846,4	-5,6	-0,3%	-2,1
4111FA000	1.840,5	-4,4	-0,2%	-8,0
VN30F2512	1.830,0	-5,0	-0,3%	-18,6
41IG3000	1.825,0	-2,8	-0,2%	-23,6

Hợp đồng	Khối lượng	% Δ	KL giao dịch	%Δ
VN30F2509	52.835	2,4%	364,85	-2,8%
4111FA000	891	30,8%	1,57	-18,4%
VN30F2512	637	4,3%	0,27	10,6%
41IG3000	196	-6,2%	0,11	-29,8%

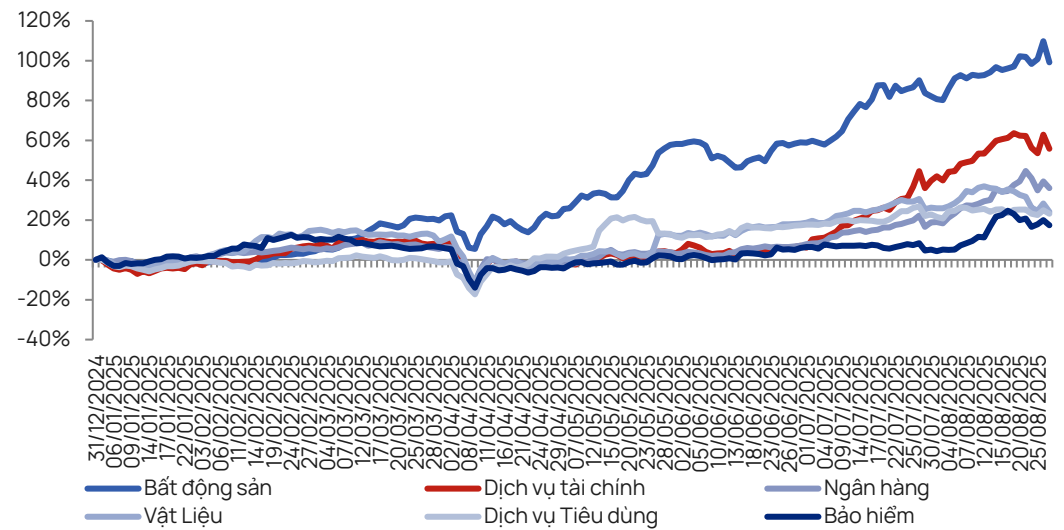


Nguồn: Fiinpro, Vietcap

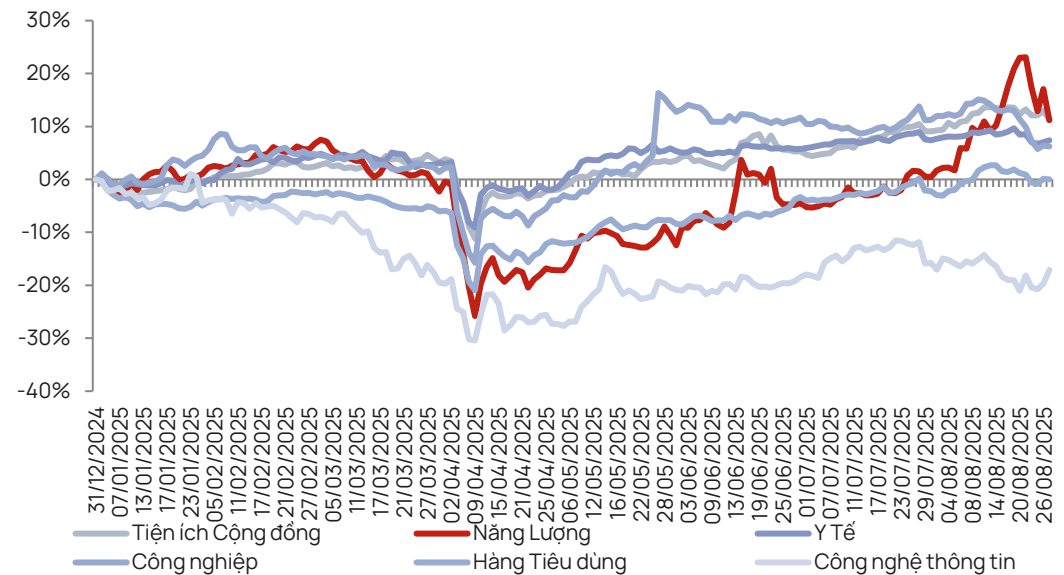
Ghi chú: VN30F1M = hợp đồng đáo hạn trong 1 tháng
VN30F2M = hợp đồng đáo hạn trong 2 tháng
VN30F1Q = hợp đồng đáo hạn trong 1 quý
VN30F2Q = hợp đồng đáo hạn trong 2 quý

Diễn biến theo ngành có trọng số YTD trên sàn 3 sàn

6 nhóm ngành tích cực nhất*



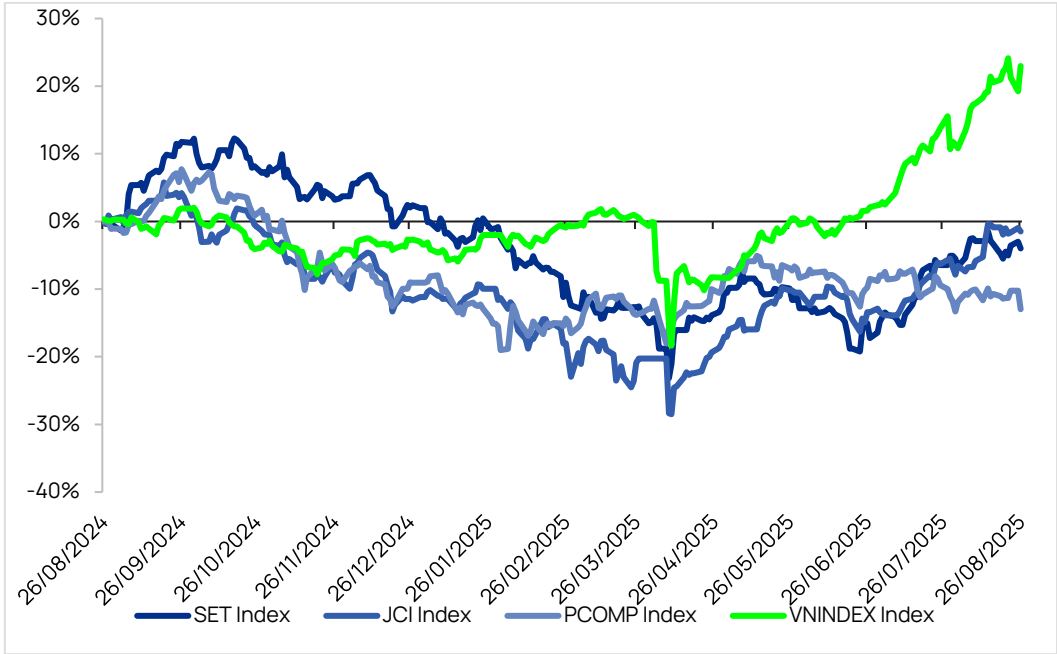
6 nhóm ngành kém tích cực nhất*



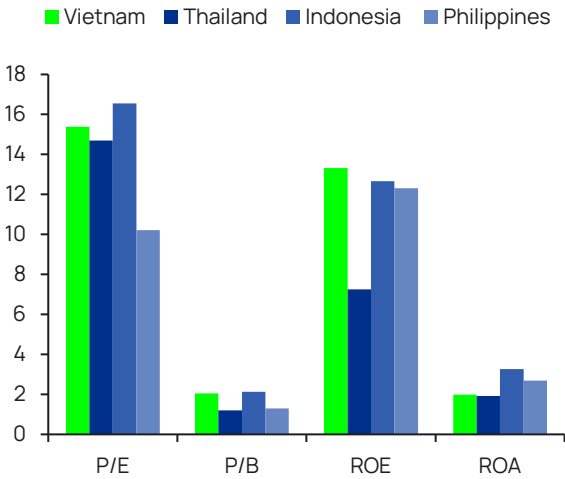
Nguồn: Fiinpro, Vietcap

* Phân ngành theo ICB

Diễn biến các thị trường trong khu vực



Ghi chú: dựa theo giá trị đồng tiền của các quốc gia tương ứng



	Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
	SET Index	JCI Index	PCOMP Index	VN- Index
P/E	14,7	16,6	10,2	15,4
P/B	1,2	2,1	1,3	2,1
ROE (%)	7,2	12,7	12,3	13,3
ROA (%)	1,9	3,3	2,7	2,0
Giá trị vốn hóa, tỷ USD	486,6	871,5	159,9	269,9
GTGD trung bình, tr USD	1.259,6	702,8	79,8	745,1
Mua ròng khối ngoại - YTD, tr USD	-2.140,8	-3.120,2	-665,5	-2.442,4
Mua ròng khối ngoại - 5 ngày, tr USD	(171,7)	159,9	(45,7)	(217,8)
Lợi suất TPCP 5 năm	1,16%	5,71%	5,65%	3,01%

Nguồn: Bloomberg, Vietcap

Ghi chú: Nếu tỷ lệ P/E, ROE, ROA là N/A, cột P/E, ROE, ROA tương ứng sẽ không thể hiện

Dữ liệu P/E sử dụng lợi nhuận pha loãng

Liên hệ

CTCP Chứng khoán Vietcap (Vietcap)

www.vietcap.com.vn

Trụ sở chính (1): Bitexco

Tháp tài chính Bitexco, tầng 15,
Số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 3914 3588

Phòng giao dịch Hàm Nghi

Tòa nhà Doji, tầng 16, số 81-83-83B-85 Hàm Nghi,
Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 8882 6868

Phòng giao dịch Mỹ Đình

SAP.A09 Tòa A – Chung cư cao tầng HH2-1 (The Matrix One)
Phường Từ Liêm, Tp. Hà Nội (Số 1 Lê Quang Đạo)
+84 28 8882 6868

Phòng Nghiên cứu và Phân tích

Research Team: +84 28 3914 3588
research@vietcap.com.vn

Ngân hàng, Chứng khoán và Bảo hiểm

Huỳnh Thị Hồng Ngọc,
Trưởng phòng, ext 138
- Vũ Thế Quân, Phó Trưởng phòng, ext 364
- Hồ Thu Nga, Chuyên viên, ext 516

Hàng tiêu dùng

Hoàng Nam
Giám đốc, ext 124
- Bùi Xuân Vĩnh, Chuyên viên cao cấp, ext 584
- Lý Phúc Thanh Ngân, Chuyên viên cao cấp, ext 532
- Nguyễn Thảo Nguyễn, Chuyên viên, ext 268

Bất động sản

Lưu Bích Hồng
Trưởng phòng cao cấp, ext 120
- Phạm Nhật Anh, Chuyên viên cao cấp, ext 149
- Thân Như Đoàn Thực, Chuyên viên cao cấp, ext 174

Khách hàng cá nhân

Vũ Minh Đức - Phó Giám đốc, ext 363
- Nguyễn Quốc Nhật Trung, Trưởng phòng, ext 129
- Tống Hoàng Trâm Anh, Chuyên viên cao cấp, ext 366
- Lê Hải Đăng, Chuyên viên, ext 570
- Võ Phan Hồng Kiệt, Chuyên viên, ext 470

Phòng Tư Vấn Đầu Tư, Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức và Trái phiếu

Tuan Nhan
Giám đốc điều hành
Phòng Tư Vấn Đầu Tư, Giao dịch Chứng khoán – Khách
hàng tổ chức và Trái phiếu
+84 28 3914 3588, ext 107
tuan.nhan@vietcap.com.vn

Trụ sở chính (2): Nguyễn Huệ

Tòa nhà Vinatex, Tầng 3, Số 10 Nguyễn Huệ,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
+84 28 8882 6868

Chi nhánh Hà Nội

109 Trần Hưng Đạo, tầng 6
Phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội
+84 24 6262 6999

Hoàng Nam
Giám đốc, ext 124
nam.hoang@vietcap.com.vn

Vĩ mô
Hoàng Thúy Lương
Trưởng phòng cao cấp, ext 368
- Đào Minh Quang, Chuyên viên, ext 365

Dầu khí, Điện và Nước
Đinh Thị Thủy Dương
Phó Giám đốc, ext 140
- Dương Tấn Phước, Chuyên viên, ext 135
- Đỗ Công Anh Tuấn, Chuyên viên, ext 181
- Phạm Phú Lộc, Chuyên viên, ext 549

Công nghiệp và Cơ sở hạ tầng
Nguyễn Thảo Vy
Trưởng phòng cao cấp, ext 147
- Nguyễn Thị Ngọc Hân, Chuyên viên, ext 191
- Hoàng Gia Huy, Chuyên viên, ext 526

Châu Thiên Trúc Quỳnh
Giám đốc điều hành
Phòng Tư Vấn Đầu Tư
+84 28 3914 3588, ext 222
quynh.chau@vietcap.com
.vn

Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Phương pháp định giá và Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Nội dung chính trong hệ thống khuyến nghị: Khuyến nghị được đưa ra dựa trên mức tăng/giảm tuyệt đối của giá cổ phiếu để đạt đến giá mục tiêu, được xác định bằng công thức (giá mục tiêu - giá hiện tại)/giá hiện tại và không liên quan đến hoạt động thị trường. Công thức này được áp dụng từ ngày 1/1/2014.

Các khuyến nghị	Định nghĩa
MUA	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ trên 20%
KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dương từ 10%-20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dao động giữa âm 10% và dương 10%
KÉM KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm từ 10-20%
BÁN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm trên 20%
KHÔNG ĐÁNH GIÁ	Bộ phận nghiên cứu đang hoặc có thể sẽ nghiên cứu cổ phiếu này nhưng không đưa ra khuyến nghị hay giá mục tiêu vì lý do tự nguyện hoặc chỉ để tuân thủ các quy định của luật và/hoặc chính sách công ty trong trường hợp nhất định, bao gồm khi Vietcap đang thực hiện dịch vụ tư vấn trong giao dịch sáp nhập hoặc chiến lược có liên quan đến công ty đó.
KHUYẾN NGHỊ TẠM HOÃN	Hình thức đánh giá này xảy ra khi chưa có đầy đủ thông tin cơ sở để xác định khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu. Khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu trước đó, nếu có, không còn hiệu lực đối với cổ phiếu này.

Trừ khi có khuyến cáo khác, những khuyến nghị đầu tư chỉ có giá trị trong vòng 12 tháng. Những biến động giá trong tương lai có thể làm cho các khuyến nghị tạm thời không khớp với mức chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu và giá mục tiêu nên việc diễn giải các khuyến nghị đầu tư cần được thực hiện một cách linh hoạt.

Rủi ro: Tình hình hoạt động trong quá khứ không nhất thiết sẽ diễn ra tương tự cho các kết quả trong tương lai. Tỷ giá ngoại tệ có thể ảnh hưởng bất lợi đến giá trị, giá hoặc lợi nhuận của bất kỳ chứng khoán hay công cụ tài chính nào có liên quan được nói đến trong báo cáo này. Để được tư vấn đầu tư, thực hiện giao dịch hoặc các yêu cầu khác, khách hàng nên liên hệ với đơn vị đại diện kinh doanh của khu vực để được giải đáp.

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này, Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành, Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước, Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này, Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt, Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.